

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VEXILLA VIỆT NAM

Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng,
Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 28

DA
KI
C
CI
H
PH
1010
CỘ
CỘ
TẬP
EX
IET
PH



Số: 021/2024/BCKTHN-HT.00141

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") và các Công ty con ("sau đây được gọi chung là Tập đoàn"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2024, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Tập đoàn Vexilla Việt Nam, và được lập phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN TRUNG THÀNH

Giám đốc

Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán 1673-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM - CHI NHÁNH HÀ THÀNH

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2024

PHẠM QUANG KHẢI

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 4018-2022-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		56.691.985.992	84.659.709.526
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	822.433.660	3.184.635.904
Tiền	111		822.433.660	3.184.635.904
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.443.520.245	81.191.872.177
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	9.346.284.500	11.681.205.750
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	8.047.500.000	47.500.000
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	35.500.000.000	22.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	2.549.735.745	47.463.166.427
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
Hàng tồn kho	141		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		426.032.087	283.201.445
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7a	15.721.170	6.600.144
Thuế GTGT được khấu trừ	152		410.310.917	276.601.301
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		179.616.967.320	143.995.807.577
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.047.513.429	25.555.836.364
Phải thu dài hạn khác	216	5.6	10.047.513.429	25.555.836.364
II. Tài sản cố định	220		127.584.550	164.037.274
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	127.584.550	164.037.274
- Nguyên giá	222		182.263.636	182.263.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(54.679.086)	(18.226.362)
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	169.436.816.609	118.227.316.609
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		169.459.500.000	118.250.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		(22.683.391)	(22.683.391)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.052.732	48.617.330
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7b	5.052.732	48.617.330
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		236.308.953.312	228.655.517.103

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		12.099.731.031	6.023.333.618
I. Nợ ngắn hạn	310		12.099.731.031	6.023.333.618
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	5.118.451.781	5.480.309.791
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	187.834.420	254.322.254
Phải trả người lao động	314		-	71.209.325
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	78.026.164	2.073.582
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	98.143.090	198.143.090
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.13	6.600.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		17.275.576	17.275.576
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		224.209.222.281	222.632.183.485
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.14	224.209.222.281	222.632.183.485
Vốn góp của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		210.000.000.000	210.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		87.934.868	87.934.868
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		136.465.222	136.465.222
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.054.109.552	12.397.761.915
- LNST chưa phân phối lũy kế cuối kỳ trước	421a		12.337.806.258	11.406.054.154
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		716.303.294	991.707.761
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	422		930.712.639	10.021.480
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		236.308.953.312	228.655.517.103

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	80.248.872.433	113.798.522.950
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		80.248.872.433	113.798.522.950
Giá vốn hàng bán	11	6.2	78.954.894.800	112.795.573.811
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.293.977.633	1.002.949.139
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.813.411.541	2.503.693.717
Chi phí tài chính	22	6.4	392.625.204	22.683.391
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		392.625.204	-
Chi phí bán hàng	24		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.5	1.953.287.914	2.242.953.797
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		761.476.056	1.241.005.668
Thu nhập khác	31	6.7	172.602.740	1.968.001
Chi phí khác	32	6.8	30.268.584	3.026.360
Lợi nhuận khác	40		142.334.156	(1.058.359)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		903.810.212	1.239.947.309
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	186.815.759	248.218.068
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		716.994.453	991.729.241
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		716.303.294	991.707.761
- Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		691.159	21.480
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.10	34	47

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2024
Tổng Giám đốc

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		903.810.212	1.239.947.309
Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		36.452.724	18.226.362
Các khoản dự phòng	03		-	22.683.391
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.688.421.304)	(2.503.283.976)
Chi phí lãi vay	06		392.625.204	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(355.533.164)	(1.222.836.655)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		53.403.762.512	(984.759.735)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	642.896.510
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(471.109.085)	(46.858.031.798)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		34.443.572	268.706.485
Tiền lãi vay đã trả	14		(383.349.040)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(308.541.082)	(207.702.451)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		51.919.673.713	(48.361.727.644)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(182.263.636)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(16.500.000.000)	(96.700.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.000.000.000	106.700.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(51.209.500.000)	(21.700.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	61.601.100.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.907.624.043	1.395.463.580
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(61.801.875.957)	51.114.299.944
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		920.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		13.200.000.000	-
Tiền trả nợ gốc vay	34		(6.600.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		7.520.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(2.362.202.244)	2.752.572.300
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		3.184.635.904	432.063.604
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	822.433.660	3.184.635.904

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2024
 Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Thị Thu Huyền

Nguyễn Văn Chiến

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn VEXILLA Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101612880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 21/02/2005.

Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101612880, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 26/05/2023. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty có đầu tư vào công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (Cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Tập đoàn").

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh thương mại, đầu tư.**1.3. Ngành nghề kinh doanh:**

Những hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn bao gồm:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống
Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn nông, lâm, thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tập đoàn là không quá 12 tháng.

1.5. Cấu trúc của Công ty

Tập đoàn có trụ sở chính đăng ký tại: Phòng 14.21, Tầng 14, Tòa nhà Golden King, Số 15 Nguyễn Lương Bằng, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Các đơn vị trực thuộc:

STT	Chi nhánh	Địa chỉ	Tình trạng hoạt động
1	CN Công ty CP Solavina tại Đắk Lắk	Số 185 Giải Phóng - Thị trấn Phước An - Huyện Krông Pắc - Đắk Lắk.	Đang làm thủ tục đóng cửa Chi nhánh
2	CN Công ty CP Solavina tại Kon Tum	Thôn Măng Đen - Xã Đắk Long - Huyện Kon Plông - Kon Tum.	Đã ngừng hoạt động, đóng mã số thuế
3	CN Công ty CP Solavina tại Đắk Nông	Tổ 5 - Phường Nghĩa Đức - Thành phố Gia Nghĩa - Đắk Nông.	Đang tạm ngừng kinh doanh
4	CN Công ty CP Tập đoàn Vexilla Việt Nam	Tầng 15 tòa nhà Viwaseen, số 48 đường Tố Hữu - Phường Trung Văn - Quận Nam Từ Liêm - Hà Nội.	Đang hoạt động

Số lượng nhân viên của Tập đoàn tại ngày 31/12/2023 là 08 người (tại ngày 31/12/2022 là: 07 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

Tại ngày 31/12/2023, Tập đoàn có 01 công ty con (tại ngày 31/12/2022: 01 công ty con)

- Số lượng các Công ty con được hợp nhất: 01 công ty
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: 0 công ty

Chi tiết Công ty con tại ngày 31/12/2023:

STT	Tên công ty	Địa chỉ	% quyền biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty CP Thương mại M&S	Tầng 15, toà nhà Viwaseen, 48 Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	95,31%	95,31%	Bán buôn hàng hóa các loại

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Kỳ kế toán năm**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam ("VND") cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chế độ kế toán áp dụng**

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các chính sách kế toán được công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ kế toán được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tập đoàn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn

80 - C
Y
V
V
V
H
CHÍ MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được

- Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

- Máy móc thiết bị 05 - 10 năm

4.8 Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán. Các chi phí đã phát sinh trong kỳ kế toán nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

4.9 Các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán (là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc. Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, được đánh giá lại theo tỷ giá thực tế tại ngày báo cáo.

Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông theo mệnh giá.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.12 Doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Thu nhập từ tiền lãi tiền gửi và đầu tư

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tập đoàn có quyền nhận lãi.

M.S.C.N.
0101
ÔNG
CỔ PH
ÁP Đ
EXI
IẾT
HỒ H

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.13 Chi phí

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí đi vay vốn, chi phí lãi vay (kể cả số trích trước) phát sinh trong kỳ kế toán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

4.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.15 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

4.16 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

4.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động, hoặc có quyền được tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên kia, nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Các bên có liên quan bao gồm:

- Các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung kiểm soát với Tập đoàn;
- Các bên liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp báo cáo, bao gồm những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Tập đoàn và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Tập đoàn.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Tiền mặt	295.044.467	1.612.185.092
- Tiền gửi ngân hàng	527.389.193	1.572.450.812
Cộng	<u>822.433.660</u>	<u>3.184.635.904</u>

1489
CỘNG
HỢP
C VI
CHI
HÀ T
MINH

C.T.C.P
MINH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	169.459.500.000	(22.683.391)		118.250.000.000	(22.683.391)	
- Công ty CP Cyan	75.000.000.000	(20.888.560)	(*)	75.000.000.000	(20.888.560)	(*)
- Công ty CP Veridian	21.550.000.000	(1.794.831)	(*)	21.550.000.000	(1.794.831)	(*)
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5	72.909.500.000	-	(*)	21.700.000.000	-	(*)
Cộng	169.459.500.000	(22.683.391)		118.250.000.000	(22.683.391)	

(*) Tại ngày báo cáo, Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật đánh giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

- Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư khác của Tập đoàn:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	% biểu quyết	% lợi ích	Hoạt động chính
1	Công ty CP Cyan	Đường Thanh Niên, Khối Hà My Đông B, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	15,00%	15,00%	Kinh doanh bất động sản
2	Công ty CP Veridian	Đường Thanh Niên, Thôn Hà Quảng Đông, Phường Điện Dương, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	15,25%	15,25%	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
3	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5	Tầng 15, toà nhà Viwaseen, 48 Tố Hữu, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội	17,61%	17,61%	Kinh doanh bất động sản

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Công ty CP Phát triển và Thương mại Á Châu	-	2.042.099.500
- Công ty TNHH Thương mại Vận tải B&L	2.058.724.500	-
- Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Thắng Lợi	5.596.400.000	8.996.400.000
- Công ty TNHH Gạo Sóc Trăng	609.200.000	-
- Công ty TNHH Chè Tân Bình	1.081.960.000	-
- Phải thu các khách hàng khác	-	642.706.250
Cộng	<u>9.346.284.500</u>	<u>11.681.205.750</u>

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Công ty CP Foveris	8.000.000.000	-
- Trả trước cho nhà cung cấp khác	47.500.000	47.500.000
Cộng	<u>8.047.500.000</u>	<u>47.500.000</u>

5.5. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Ông Hạ Quyết Chiến (*)	19.000.000.000	22.000.000.000
- Bà Hoàng Hải Trang (**)	11.000.000.000	-
- Ông Đinh Trường Giang (***)	5.500.000.000	-
Cộng	<u>35.500.000.000</u>	<u>22.000.000.000</u>

(*) Theo Hợp đồng cho vay số 01.2022/HĐVT ngày 20/5/2022 và Phụ lục số 04 ký ngày 01/10/2023, thời hạn cho vay được gia hạn đến ngày 30/6/2024, lãi suất 5%/năm kể từ ngày 01/10/2023, tài sản đảm bảo là 10 căn liền kề thuộc khu đô thị Nam 32, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Hợp đồng mua bán Bất động sản giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 và ông Hạ Quyết Chiến.

(**) Theo Hợp đồng cho vay số 01/2023/HĐVT ngày 23/12/2023, thời hạn cho vay 120 ngày kể từ ngày 28/12/2023, lãi suất 5%/năm, tài sản đảm bảo là Hợp đồng đặt cọc số 37/TT3.2/WP/HĐĐC/LIC5 và Hợp đồng đặt cọc số 76/TT7.3/WP/HĐĐC/LIC5 đặt cọc mua bất động sản tại Khu đô thị Nam 32, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Hà Nội theo Hợp đồng đặt cọc mua bán Bất động sản giữa Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5 và bà Hoàng Hải Trang.

(***) Theo Hợp đồng cho vay số 01/2023/HĐVT ngày 25/12/2023, thời hạn cho vay 04 tháng, lãi suất 5%/năm, khoản vay không có tài sản đảm bảo.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.6. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	2.549.735.745	-	47.463.166.427	-
- Tạm ứng	1.000.000.000	-	15.019.227.943	-
- Lãi cho vay phải thu	11.301.370	-	1.730.504.109	-
- Lãi hợp tác kinh doanh	500.000.000	-	-	-
- Ông Nguyễn Hồng Quang (i)	1.009.440.135	-	1.009.440.135	-
- Bà Lương Thị Thu Dung	-	-	10.000.000.000	-
- Ông Đỗ Bảo Anh	-	-	8.975.000.000	-
- Đặt cọc dự án Cổ Đông	-	-	10.700.000.000	-
- Phải thu khác	28.994.240	-	28.994.240	-
Dài hạn	10.047.513.429	-	25.555.836.364	-
- Ký quỹ, ký cược	47.513.429	-	55.836.364	-
- Ông Phùng Thế Tô	-	-	15.500.000.000	-
- Công ty CP Foveris (ii)	10.000.000.000	-	10.000.000.000	-
Cộng	12.597.249.174	-	73.019.002.791	-

- (i) Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 11.10/2019/BB-HĐQT ngày 11/10/2019, Hội đồng Quản trị thống nhất về việc xử lý nợ cũ, giao ông Nguyễn Hồng Quang - Nguyên Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty (đã miễn nhiệm 04/09/2019) trực tiếp phụ trách và tiếp tục xử lý các khoản công nợ, nghĩa vụ về thuế của Công ty còn tồn tại từ thời điểm 11/10/2019 trở về trước. Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/12/2021 giữa ông Nguyễn Hồng Quang và Công ty, ông Nguyễn Hồng Quang cam kết thanh toán hết các khoản công nợ nói trên cho Công ty vào ngày 31/12/2023.
- (ii) Phải thu Công ty CP Foveris (Foveris) theo Hợp đồng hợp tác số 0812/HĐHT ngày 08/12/2022, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 12/6/2023 và Phụ lục hợp đồng số 02 ngày 01/10/2023 ký giữa Công ty và Công ty CP Foveris. Công ty góp vốn là 10 tỷ VND để phục vụ các công tác nghiên cứu, xúc tiến đến hoàn thiện các thủ tục pháp lý của 6,7 hecta diện tích Dự án trồng cây nông được liệu và nuôi trồng thủy sản tại thôn Hùng Tâm, xã Hùng An, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Năm 2023, Công ty được hưởng 5% lợi nhuận trên số tiền thực góp. Từ năm 2024, Công ty có quyền lựa chọn phân chia lợi nhuận theo số tiền thực góp hoặc theo tỷ lệ góp vốn tính trên kết quả kinh doanh của Dự án.

5.7. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	15.721.170	3.234.504
- Chi phí trả trước khác	-	3.365.640
Cộng	15.721.170	6.600.144
b. Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	22.445.021
- Chi phí thiết kế website	-	26.172.309
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.052.732	-
Cộng	5.052.732	48.617.330

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	<u>Máy móc, thiết bị</u> VND	<u>Tổng cộng</u> VND
Nguyên giá		
Số dư 01/01/2023	182.263.636	182.263.636
Mua trong năm	-	-
Số dư 31/12/2023	<u>182.263.636</u>	<u>182.263.636</u>
Giá trị đã hao mòn lũy kế		
Số dư 01/01/2023	18.226.362	18.226.362
Khấu hao trong năm	36.452.724	36.452.724
Số dư 31/12/2023	<u>54.679.086</u>	<u>54.679.086</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2023	164.037.274	164.037.274
Tại ngày 31/12/2023	<u>127.584.550</u>	<u>127.584.550</u>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: không có
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: không có

5.9. Phải trả người bán ngắn hạn

a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000	453.900.000	453.900.000
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000	323.000.000	323.000.000
- Ông Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000	446.640.000	446.640.000
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại VBS	2.071.882.800	2.071.882.800	3.405.680.000	3.405.680.000
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư Phát triển Hoàng Sơn	1.050.000.000	1.050.000.000	-	-
- Các nhà cung cấp khác	773.028.981	773.028.981	851.570.791	851.570.791
Cộng	<u>5.118.451.781</u>	<u>5.118.451.781</u>	<u>5.480.309.791</u>	<u>5.480.309.791</u>

b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán

	<u>Số cuối năm</u> VND	<u>Số đầu năm</u> VND
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã Krông Buk	453.900.000	453.900.000
- Tổ hợp tác Nông nghiệp xã EaYiêng	323.000.000	323.000.000
- Ông Vũ Văn Tình	446.640.000	446.640.000
- Các nhà cung cấp khác	353.940.000	353.940.000
Cộng	<u>1.577.480.000</u>	<u>1.577.480.000</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	249.604.086	246.771.416	308.541.082	187.834.420
Thuế thu nhập cá nhân	4.718.168	14.968.993	19.687.161	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	32.834.267	32.834.267	-
Cộng	254.322.254	294.574.676	361.062.510	187.834.420

5.11. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Trích trước chi phí lãi vay	9.276.164	-
- Chi phí phải trả khác	68.750.000	2.073.582
Cộng	78.026.164	2.073.582

5.12. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	39.710.450	39.710.450
- Bảo hiểm xã hội	7.247.603	7.247.603
- Bảo hiểm y tế	858.684	858.684
- Bảo hiểm thất nghiệp	326.353	326.353
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	50.000.000	50.000.000
- Ông Trần Xuân Sơn	-	100.000.000
- Phải trả khác	-	-
Cộng	98.143.090	198.143.090

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

*Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính***5.13. Vay và nợ thuê tài chính**

	Số cuối năm		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Vay ngắn hạn	6.600.000.000	6.600.000.000	13.200.000.000	6.600.000.000	-	-
- <i>Vay ngắn hạn</i>	6.600.000.000	6.600.000.000	13.200.000.000	6.600.000.000	-	-
+ NH Tiên phong Bank (*)	6.600.000.000	6.600.000.000	13.200.000.000	6.600.000.000	-	-
- <i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	-	-	-	-	-	-
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	6.600.000.000	6.600.000.000	13.200.000.000	6.600.000.000	-	-

(*) Khoản vay tại Ngân hàng Tiên Phong theo Hợp đồng tín dụng số 28/2023/HDTD/HHA ngày 18/5/2023 với tổng hạn mức tín dụng tối đa không quá 10.000.000.000 đồng, lãi suất cho vay được cố định 3 tháng đầu là 8,55% và được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Mục đích vay là để thanh toán tiền mua hàng hóa cho các nhà cung cấp đã đến hạn thanh toán. Số tiền vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

5.14. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc Vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đồng thiểu số	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NĂM TRƯỚC						
Số dư 01/01/2022	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	11.406.054.154	-	221.630.454.244
Lãi trong năm trước	-	-	-	991.707.761	21.480	991.729.241
Tăng/giảm trong năm	-	-	-	-	10.000.000	10.000.000
Số dư 31/12/2022	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	12.397.761.915	10.021.480	222.632.183.485
NĂM NAY						
Số dư 01/01/2023	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	12.397.761.915	10.021.480	222.632.183.485
Lãi trong năm nay	-	-	-	716.303.294	691.159	716.994.453
Tăng/giảm trong năm	-	-	-	(59.955.657)	920.000.000	860.044.343
Số dư 31/12/2023	210.000.000.000	87.934.868	136.465.222	13.054.109.552	930.712.639	224.209.222.281

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Vốn góp của các cổ đông	210.000.000.000	210.000.000.000
Cộng	<u>210.000.000.000</u>	<u>210.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

đ) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: không phát sinh
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không phát sinh

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

6.1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Doanh thu bán hàng hóa	80.248.872.433	113.798.522.950
Cộng	80.248.872.433	113.798.522.950

6.2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Giá vốn bán hàng hóa	78.954.894.800	112.795.573.811
Cộng	78.954.894.800	112.795.573.811

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.188.421.304	2.503.693.717
Lãi hợp tác kinh doanh	500.000.000	-
Thu nhập HĐTC khác	124.990.237	-
Cộng	1.813.411.541	2.503.693.717

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Lãi tiền vay	392.625.204	-
Chi phí tài chính khác	-	22.683.391
Cộng	392.625.204	22.683.391

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u> VND	<u>Năm trước</u> VND
Chi phí nhân viên quản lý	917.747.750	867.418.815
Chi phí vật liệu quản lý	-	41.903.022
Chi phí dụng cụ quản lý	51.800.425	254.615.267
Chi phí khấu hao TSCĐ	36.452.724	18.226.362
Thuế, phí, lệ phí	18.455.295	4.108.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	909.385.290	1.023.018.974
Chi phí bằng tiền khác	19.446.430	33.662.557
Cộng	1.953.287.914	2.242.953.797

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.800.425	296.518.289
Chi phí nhân công	917.747.750	867.418.815
Chi phí khấu hao	36.452.724	18.226.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	909.385.290	1.023.018.974
Chi phí khác	37.901.725	37.771.357
Cộng	1.953.287.914	2.242.953.797

6.7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các khoản tiền phạt	172.602.740	-
Các khoản khác	-	1.968.001
Cộng	172.602.740	1.968.001

6.8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Các khoản tiền phạt	30.268.584	3.026.360
Cộng	30.268.584	3.026.360

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	903.810.212	1.239.947.309
Điều chỉnh tăng	30.268.584	1.143.033
Thu nhập tính thuế TNDN	934.078.796	1.241.090.342
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	186.815.759	248.218.068

6.10. Lãi trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	716.303.294	991.707.761
Các khoản điều chỉnh:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	-	-
Bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông lưu hành (cổ phiếu)	21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	47

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của Báo cáo tài chính

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

7.2 Thông tin về các bên liên quan

a) Thông tin về các bên liên quan

TT	Tên bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP Thương mại M&S	Công ty con
2	Ông Michael Marc Lee	Thành viên quản lý chủ chốt
3	Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên quản lý chủ chốt
4	Ông Nguyễn Ngọc Thuyên	Thành viên quản lý chủ chốt
5	Ông Callum Fraser	Thành viên quản lý chủ chốt
6	Trương Diệu Hương	Thành viên quản lý chủ chốt

b) Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch trọng yếu với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Tiền lương, thưởng, phụ cấp, thù lao

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Nguyễn Văn Chiến	Thành viên quản lý chủ chốt	111.378.000	101.564.815

c) Số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan:

Tại ngày 31/12/2023, Tập đoàn không phát sinh công nợ phải thu phải trả với các bên liên quan.

7.3 Báo cáo bộ phận

Trong năm tài chính 2023, Tập đoàn chỉ có doanh thu từ một ngành nghề kinh doanh là bán nông sản tại thị trường Việt Nam. Do đó Tập đoàn không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Thu Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Huyền

Lập, ngày 27 tháng 3 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Chiến